

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 270/2022/HC-PT

Ngày 13-12-2022

V/v “*Yêu cầu hủy quyết định hành
chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Tự

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Kim Nhân

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:*** Bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 247/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2022 về: “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Thành T (tên khác: Nguyễn Thành T); địa chỉ: đội 1, thôn P 1, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Lê Quang H; địa chỉ: thành phố Huế (văn bản ủy quyền ngày 20/07/2021).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thị trấn P, huyện P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (văn bản ủy quyền ngày 04/03/2022).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Y; địa chỉ: xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Trần Thị Kim H; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Lê Thành T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Lê Thành T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp nguyên là một thửa khi Hợp tác xã giao đất, đó là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 1207m² (sau này tách thành 2 thửa: Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 769,9m² kê khai đứng tên bà Trần Thị Kim H và thửa đất số 148, tờ bản đồ số 64, diện tích 379,3m², kê khai đứng tên ông Lê Thành T), tọa lạc tại Đội 1, thôn P 1, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là do HTX Đ giao đất cho hộ gia đình ông Trần K vào những năm 1980, 1981. Diện tích giao đất căn cứ vào nhân khẩu của hộ gia đình lúc bấy giờ có vợ chồng ông K bà C, bà Trần Thị Kim H và ông T. Bà Y đi lấy chồng từ năm 1970 nên không có tên và không được giao đất. Sau khi giao đất, hộ ông K quản lý, sử dụng. Năm 1981 ông K chết, năm 1997 bà C (vợ ông K) chết, năm 1990 bà H chuyển vào sinh sống tại Đà Nẵng cho nên toàn bộ thửa đất này từ đó đến nay do gia đình ông T quản lý, sử dụng trồng cây lâu năm.

Năm 2013, bà Y và bà H làm đơn khiếu nại tranh chấp thửa đất gia đình ông T đang quản lý, sử dụng. Vụ việc được Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) xã hòa giải nhưng không thành. Tháng 7/2020, bà Y và bà H tiếp tục làm đơn gửi đến UBND huyện P khiếu nại tranh chấp đất đai với gia đình ông T.

Tại Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND huyện P đã quyết định với nội dung:

- Công nhận nội dung đơn của bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Kim H tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Thành T đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ 64, diện tích 739,7m² là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

- Giao trách nhiệm UBND xã V hướng dẫn chủ sử dụng đất là bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Kim H tiến hành lập các thủ tục để được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Cho rằng bà Y không phải là người được HTX giao đất nông nghiệp tại thửa đất này, không phải là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất; bà H sau khi được giao đất cũng đã đi khỏi địa phương từ năm 1990 và không trực tiếp canh tác, sản xuất trên đất nên bà Y, bà H đều không có tư cách pháp lý để tranh chấp thửa đất với ông T. Mặt khác, thửa đất hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc UBND huyện P áp dụng chế định thừa kế về đất đai để công nhận quyền sử dụng đất cho bà Y và bà H là không đúng quy định.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong quá trình tố tụng người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn Đê) trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng và hiện trạng đối với diện tích đất đang tranh chấp (*thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, Bản đồ địa chính xã V, diện tích đất tranh chấp: 739,7m² số liệu do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P xác định bằng máy GPS RTK E-Survey E300pro*):

Trước năm 1980, tại khu vực đất đang tranh chấp là đất hoang hóa.

Vào năm 1980 – 1981, thực hiện chủ trương chung của UBND xã V, HTX Đ, HTX B đã tiến hành thu gom tác cả đất nông nghiệp (trừ đất trồng lúa và đất vườn liền kề nhà ở) của các hộ và đất hoang hóa trên địa bàn xã để phân chia lại cho các hộ dân theo nhân khẩu (tương đương khoảng 300m²/1 nhân khẩu); phần diện tích đất nhỏ lẻ, manh mún còn lại sau khi cân đối thuộc thửa đất đang phân chia có thể cân đối cho hộ nhận đất để đảm bảo liền thửa sản xuất nông nghiệp. Việc phân chia đất cho các hộ do cán bộ HTX trực tiếp thực hiện trong giai đoạn 1980 – 1981 và việc chia đất không có giấy tờ kèm theo. Có một số trường hợp bị thu hồi đất tại vị trí này để hoán đổi, phân chia đất lại tại vị trí khác để sản xuất nông nghiệp.

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do HTX Đ, UBND xã V phân chia đất hoang hóa cho hộ ông Trần K và bà Lê Thị C vào năm 1980 – 1981 để sản xuất nông nghiệp Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2009, thì thửa đất số 44, tờ bản đồ 64, diện tích 1.207,0m² kê khai đứng tên ông Lê Thành T; Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính đo đạc, chỉnh lý năm 2017, thì thửa đất gồm 02 thửa:

+ Thửa đất số 44, tờ bản đồ 64, diện tích 769,9m² kê khai đứng tên bà Trần Thị Kim H;

+ Thừa đất số 148, tờ bản đồ số 64, diện tích 379,3m², kê khai đứng tên ông Lê Thành T.

Tại thời điểm phân chia đất, ông Trần K là chủ hộ, hộ gồm 4 nhân khẩu: ông Trần K, bà Lê Thị C, bà Trần Thị Kim H và ông Lê Thành T (ông T là con nuôi của bà Trần Thị Y).

Đến khoảng năm 1996-1997, gia đình bà Y đã tiến hành khai thác cây Bạch đàn để bán (bà Y thuê bà Uyển trực tiếp đứng ra bán cây trồng); sau đó, cây bạch đàn chồi đã phát triển cho đến nay vẫn còn gốc cũ và cây chồi mới. Đối với phần cây bạch đàn chồi mọc lại sau khai thác trên phần đất do bà Uyển trồng, bà Y đã cho ông T quản lý và hưởng lợi.

Năm 1997, bà C chết và không để lại di chúc. Sau thời điểm bà C chết, ông T có trồng thêm một số cây keo lá tràm (không trồng cây bạch đàn và các loại cây khác).

Quá trình sử dụng, ông T có xây dựng nhà ở trên thửa đất số 148, tờ bản đồ số 64 và một phần trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64. Do đó vào năm 2020, UBND xã V đã lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Thành T do đã có hành vi vi phạm.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND huyện P nhận thấy, tổng diện tích sử dụng 1.149,8m² (bao gồm thửa 44 và thửa 148, tờ bản đồ 64) thuộc quyền sử dụng của hộ ông Trần K được chia đất vào năm 1980 - 1981. Hiện nay, bà Trần Thị Y, Trần Thị Kim H đã thống nhất để ông Lê Thành T sử dụng thửa đất số 148 và một phần thửa đất số 44 với tổng diện tích là 405,0m² (số liệu theo hiện trạng sử dụng đất hiện nay được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đo vẽ). Căn cứ theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật dân sự (quyền thừa kế) thì phần diện tích đất đang tranh chấp 739,7m² nêu trên thuộc quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Kim H. Do đó, việc Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Kim H (lần đầu với nội dung: công nhận đơn của bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Kim H) với ông Lê Thành T đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 739,7m² là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Lê Thành T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim H trình bày:

Bà nhất trí như ý kiến trình bày của UBND huyện P về nguồn gốc, quá trình sử dụng và hiện trạng đối với diện tích đất đang tranh chấp hiện nay. Thời điểm cấp đất cho bố, mẹ Bà là ông K, bà C thì ông T còn nhỏ tuổi (ông T là con nuôi của bà Y) nên Bà cùng với bà Y và ông K, bà C cùng canh tác, trồng cây bạch đàn trên thửa đất này. Sau đó, ông T cũng có canh tác cùng và Bà cùng với

bà Y đã cho ông T hưởng hoa lợi trên số cây mình đã trồng. Đến năm 20 tuổi thì Bà vào làm ăn, lấy chồng và sinh sống tại Đà Nẵng nhưng Bà vẫn thường xuyên ra vào để trông coi đất đai cũng như chăm sóc mẹ Bà là bà C. Nay, bố mẹ Bà đều đã chết thì tất nhiên đất đai là thuộc quyền thừa kế của Bà và bà Y. Mặc dù ông T bất hiếu nhưng Bà cùng với bà Y cũng đã thỏa thuận cho ông T một phần diện tích đất gần 400m² để canh tác và sinh sống rồi. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì Bà không đồng ý, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Y trình bày:

Ông T là con nuôi được bà Y nhận nuôi khi còn nhỏ. Bà đã nuôi dưỡng ông T từ nhỏ đến lớn nhưng ông T bất hiếu, không nhìn nhận Bà và còn muốn giành lấy đất đai của cha mẹ Bà. Về nguồn gốc tạo lập và quá trình sử dụng đất, Bà nhất trí như lời trình bày của bà H và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 24/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai năm 2003; khoản 4, khoản 14 Điều 22; khoản 3 Điều 23; khoản 2 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành T về việc hủy Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Kháng cáo:

Ngày 03/10/2022, ông Lê Thành T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: bà Trần Thị Kim H và bà Trần Thị Y làm đơn có nội dung tranh chấp đất đai với ông Lê Thành T chứ không phải yêu cầu chia thừa kế đất đai hoặc khởi kiện chia thừa kế đất đai nên UBND huyện áp dụng các chế định về thừa kế nói chung và thừa kế về đất đai để giải quyết là không đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu cho rằng thừa đất tranh chấp có nguồn gốc do HTX giao cho hộ ông K, bà C vào năm 1980–1981. Thực tế sử dụng đất cho thấy không có cơ sở xác định ông T có quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất diện tích 1.207,0m², đề nghị bác kháng cáo của ông Lê Thành T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 739,7m² đang tranh chấp tọa lạc tại xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn gốc do HTX Đ, UBND xã V phân chia đất hoang hóa cho hộ ông Trần K và bà Lê Thị C vào năm 1980–1981 để sản xuất nông nghiệp. Tại thời điểm phân chia đất, ông Trần K là chủ hộ, hộ gồm 4 nhân khẩu: ông Trần K, bà Lê Thị C, bà Trần Thị Kim H và ông Lê Thành T. Ông K, bà C có các người con ruột là bà Trần Thị Y, bà Trần Thị Kim H và 03 người con khác (đã chết lúc dưới 5 tuổi). Sau khi lập gia đình, bà Y không ở với ông K, bà C nhưng vẫn tham gia sản xuất, canh tác trồng cây bạch đàn trên đất cùng với gia đình ông K.

[2] Ông T là con nuôi của bà Trần Thị Y theo Giấy khai sinh ngày 02/4/1970 do chính quyền chế độ cũ xã V cấp. Tại thời điểm Nhà nước giao đất, ông T cũng là một trong những người được công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp (gồm thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 769,9m² và thửa đất số 148, tờ bản đồ số 64, diện tích 379,3m²) theo quy định tại khoản 29 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013.

[3] Việc đăng ký kê khai đất đai thể hiện:

Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính xã V (đo đạc năm 2009), thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 1.207,0m² đứng tên ông Lê Thành T.

Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính xã V (đo đạc chỉnh lý năm 2017), thửa đất trên tách ra thành 02 thửa:

+ Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 769,9m² đứng tên bà Trần Thị Kim H;

+ Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 64, diện tích 379,3m² đứng tên ông Lê Thành T.

[4] Việc ông T cho rằng từ năm 1990 đến nay ông quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là không có cơ sở. Quá trình thực tế sử dụng đất và kê khai đăng ký thể hiện sau khi ông K, bà C chết, bà Y và ông T cùng quản lý sử dụng đất. Việc ông T cho rằng ông có quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất diện tích 1.207,0m² là không đúng.

[5] Năm 1981 ông K chết, năm 1997 bà C chết đều không để lại di chúc. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì quyền sử dụng đất của ông K, bà C được thừa kế theo pháp luật cho bà Y và bà H. Mặt khác, bà Trần Thị Y, Trần Thị Kim H đã đồng ý để ông Lê Thành T sử dụng thửa đất số 148 và một phần thửa đất số 44 với tổng diện tích là 405,0m² (số liệu theo hiện trạng sử dụng đất hiện nay được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện P đo vẽ) là phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về quyền sử dụng đất của ông T. Do đó, Chủ tịch UBND huyện P công nhận thửa đất số 44, tờ bản đồ số 64, diện tích 739,7m² tọa lạc tại thôn P 1, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Kim H là có căn cứ.

[6] Khi giải quyết tranh chấp đất đai, UBND huyện P có quyền áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự và qui định của Luật Đất đai. Việc người đại diện theo uỷ quyền của ông T cho rằng UBND huyện áp dụng không đúng các qui định về thừa kế và đất đai để giải quyết tranh chấp là không có căn cứ.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Lê Thành T về yêu cầu hủy Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Trần Thị Y và bà Trần Thị Kim H là có căn cứ.

[8] Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thành T. Án phí hành chính phúc thẩm ông T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Lê Thành T;
2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2022/HC-ST ngày 24/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Lê Thành T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số AA/2021/0000176 ngày 18/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự